

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/ HNGĐ- ST
Ngày: 28/9/2020
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đới Văn Trinh

2. Ông Phạm Phúc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1975

HKTT: Khu dân cư số 9, phường P, thành phố C, tỉnh H;

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư số 4, phường P, thành phố C, tỉnh H; Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu dân cư số 9, phường P, thành phố C, tỉnh H. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị V và anh Vũ Văn K trình bày:

Chị V và anh K kết hôn ngày 28-4-1995, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, nay là UBND phường P. Anh chị có thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, chị V về nhà anh K sinh sống. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị V trình bày là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bất kỳ việc nhỏ nhặt gì trong gia đình anh chị xảy ra cãi cọ, xích mích, mâu thuẫn nhau. Thêm nữa, do kinh tế gia đình khó khăn, anh K không tu chí làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình nên năm 2004 chị V đã phải đi lao động tại Đ và có thời gian phải đi làm ở miền Nam. Chị đã phải làm rất nhiều nghề và ở rất nhiều nơi để có tiền gửi về cho anh K nuôi con. Vì thế, vợ chồng ít có thời gian gần gũi, quan tâm đến nhau. Thời gian chị không ở nhà, chị có nghe dư luận anh K có quan hệ với người phụ nữ khác, không chung thủy với chị. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Theo anh K trình bày do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2004, chị V có đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Thời gian trong 7 năm đầu, vợ chồng có liên lạc với nhau. Sau đó, chị V không liên lạc với anh nữa, chị V chỉ gửi tiền về cho bố mẹ đẻ và bố mẹ đẻ chị V trực tiếp mang tiền sang đưa cho bố con anh. Anh còn được biết, chị V gửi tiền cho bố mẹ đẻ xây nhà riêng mà không bàn bạc hay nói gì với anh. Từ đầu năm 2020, chị V về nước nhưng không về sinh sống cùng với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau nhưng anh không đồng ý ly hôn chị V. Anh chỉ đồng ý ly hôn chị V với điều kiện chị V phải hỗ trợ anh một phần kinh tế.

Về con chung: Chị V và anh K có 01 con chung là Vũ Quang K, sinh ngày 04-4-1999, hiện cháu K đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường và đang đi xuất khẩu lao động tại Đ nên khi anh chị ly hôn, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, nợ: Chị V và anh K xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi tiến hành ghi lời khai với gia đình chị V trình bày: Chị V và anh K chỉ sinh sống hòa thuận, hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K mãi chơi, không chăm lo kinh tế gia đình. Năm 2015, anh K đã làm đơn ly hôn chị V nhưng do lúc đó chị V đang lao động tại Đ nên anh K không biết địa chỉ để gửi. Khi chị V hết hạn hợp đồng về nước vào đầu năm 2020, anh chị không chung sống với nhau do anh K chơi bời, không tu chí làm ăn để trả nợ tiền xây nhà đang ở, chưa kể còn quan hệ trai gái.

Tại phiên tòa:

Chị V và anh K đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị V được ly hôn anh K. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị V khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Văn K có địa chỉ cư trú tại phường P, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn K là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do, chị V vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V, anh K.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị V và anh Vũ Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận, đến năm 2004 chị V đi xuất khẩu lao động, vợ chồng có thời gian dài không liên lạc và chung sống cùng với nhau. Đầu năm 2020, chị V về nước nhưng không về sinh sống cùng anh K. Mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện do anh chị đều không còn tin tưởng nhau về tình cảm và kinh tế. Anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và không thể ăn ở với nhau được nữa. Tuy vậy, anh K không đồng ý ly hôn chị V, vì anh yêu cầu chị V phải hỗ trợ anh về kinh tế mới nhất trí ly hôn. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là một giải pháp tích cực để giải phóng cho hai anh chị cũng như các thành viên khác trong gia đình khỏi cảnh bất bình thường, bảo đảm lợi ích của vợ chồng anh chị, của

gia đình và của xã hội. Hiện tại, anh K khỏe mạnh, ở độ tuổi lao động, việc anh không đồng ý ly hôn chị V nhằm gây khó khăn, chứ không phải mong muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Con chung của anh chị là cháu Vũ Quang K, sinh ngày 04-4-2020, hiện đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh, bình thường, đang đi lao động tại Đ, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị V và anh K xác định không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V ly hôn anh Vũ Văn K.
- Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Chị Lê Thị V phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị V đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0006421 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh H.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- UBND phường Phả Lại, thành phố C(để

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- ghi vào sổ hộ tịch) ;
- Chi cục THADS thành phố C;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Chu Thị Thu Hương